

Bài 2 ĐÔI TAI XẤU XÍ

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có dẫn trực tiếp lời nhân vật; đọc đúng các vần *uây, oang, uyt* và những tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tự tin vào chính mình; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB (truyện có dẫn trực tiếp lời nhân vật); nội dung của VB *Đôi tai xấu xí*, cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.
- GV nắm được đặc điểm phát âm và cấu tạo của các vần *uây, oang, uyt*; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*động viên, quên khuấy, suyt, tâm tặc*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

- GV hiểu được về ngoài không bình thường (thậm chí xấu xí) của một số động vật và vai trò của điểm khác thường đó. Chẳng hạn: Cái bướu của lạc đà và chức năng dự trữ năng lượng; cái sừng lớn, sắc nhọn của tê giác và vai trò làm vũ khí tấn công kẻ thù; cái túi của kang-gu-ru như cái nôi bảo vệ an toàn cho đàn con; cái túi cổ họng của bồ nông, nơi chứa đựng thức ăn và nước uống; cái cổ dài quá cỡ của hươu cao cổ giúp nó có thể ăn được lá cây keo ở độ cao mà hầu hết động vật ăn cỏ khác không thể với tới;...
- GV hiểu tập tính của mèo để hướng dẫn HS làm bài tập hoàn thiện câu bằng cách chọn từ ngữ trong khung điền vào chỗ trống. (Tai của mèo có 30 cơ khác nhau, cho phép xoay theo nhiều hướng khác nhau. Khi nghe âm thanh nào đó, tai mèo sẽ xoay về hướng phát ra âm thanh hoặc dựng hẳn lên.)

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động:
 - + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi trong nhóm về điểm đặc biệt của mỗi con vật trong tranh.
 - + GV gọi một số (2 – 3) HS trình bày kết quả trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
 - + GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: *Tranh vẽ lạc đà, tê giác, kang-gu-ru. Lạc đà có bướu to tướng trên lưng. Cái bướu là nơi dự trữ năng lượng, giúp lạc đà có thể vượt quãng đường rất dài mà không cần ăn hay uống nước. Tê giác có cái sừng to và nhọn ngay trước mặt. Sừng trở thành vũ khí tấn công lợi hại của tê giác khi gặp kẻ thù hoặc gặp nguy hiểm. Kang-gu-ru (thú có túi) đeo một cái túi trước bụng. Cái túi giúp kang-gu-ru mẹ đựng con mỗi khi nó di chuyển.*)
- GV dẫn vào bài đọc *Đôi tai xấu xí*. Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán một phần nội dung của VB. Sau đây là một “kịch bản” gợi ý (GV có thể sáng tạo theo những “kịch bản” khác nhau miễn là phù hợp với mục tiêu của bài học).
GV: *Các em nhìn tranh và nói xem đôi tai xấu xí là của ai.* HS: *Đôi tai xấu xí là của thỏ con.* GV: *Các em có nghĩ là đôi tai của thỏ con thực sự xấu không?* HS: *Có./ Không.*
GV: *Vì sao các em nghĩ vậy?* HS:...

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật, ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: *uây, oang, uyt (quên khuấy, hoảng sợ, suýt).*
 - + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- HS đọc câu.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS.

- + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Một lần,/ thỏ và các bạn/ đi chơi xa,/ quên khuấy đường về.*)
- HS đọc đoạn.
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *rất đẹp*, đoạn 2: từ *Một lần* đến *thật tuyệt*, đoạn 3: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (*động viên*: làm cho người khác vui lên; *quên khuấy*: quên hẳn đi, không nghĩ đến nữa; *suyt*: tiếng nói có thể kèm theo cử chỉ để nhắc người khác im lặng; *tấm tắc*: luôn miệng khen ngợi).
 - + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB.
 - + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
 - + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. (a. *Vì sao thỏ buồn?* b. *Chuyện gì xảy ra trong lần thỏ và các bạn đi chơi xa?* c. *Nhờ đâu mà cả nhóm tìm được đường về nhà?*)
 - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
 - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Thỏ buồn vì bị bạn bè chê đôi tai vừa dài vừa to;* b. *Trong lần đi chơi xa, thỏ và các bạn đã quên khuấy đường về;* c. *Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ đôi tai thính của thỏ.*)
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS trả lời (nếu cần). GV có thể cho HS trao đổi từng câu hỏi và trả lời, hoặc trao đổi các câu hỏi cùng một lúc rồi lần lượt trả lời tất cả. Lựa chọn theo cách nào là tùy thuộc vào khả năng của HS.

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c (có thể trình chiếu lên bảng để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (c. *Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ đôi tai thính của thỏ.*)
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh. (*Chú mèo đồng tai nghe tiếng chít chít của lũ chuột.*)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và kể lại câu chuyện *Đôi tai xấu xí*

- GV hướng dẫn HS quan sát, phân tích tranh, tìm những ý trong câu chuyện tương ứng với mỗi tranh. Lưu ý HS dùng các từ ngữ *động viên, quên khuấy, tấm tắc* khi kể lại truyện.
- HS kể nối tiếp theo từng tranh. Chú ý ngữ điệu, cử chỉ khi kể.
- HS phân vai kể toàn bộ câu chuyện: 1 HS là người dẫn chuyện, 1 HS là thỏ con, 1 HS là thỏ bố, 1 HS là bạn của thỏ.
- GV và HS khác nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to hai câu. (*Các bạn cùng thỏ đi theo hương có tiếng gọi. Cả nhóm về được nhà.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *hương, tiếng, được.*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Các bạn cùng thỏ/ đi theo hương/ có tiếng gọi./ Cả nhóm/ về được nhà.*). Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần cả câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đối vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra bài viết và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Đôi tai xấu xí* từ ngữ có tiếng chứa vần *uyt, it, uyêt, iêt*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *uyt, it, uyêt, iêt*.
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.

- Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Vẽ con vật em yêu thích và đặt tên cho bức tranh em vẽ

- GV hướng dẫn HS vẽ vào vở. Lưu ý HS vẽ điểm đặc trưng, dễ nhận diện con vật.
VD: ria (mèo), cánh (chim), sừng (trâu), mõm (lợn), vòi (voi),...
- HS đặt tên cho bức tranh vừa vẽ. (Gợi ý: Mèo Tôm, Cún Bông, Chú voi con,... Bạn của tôi, Dũng sĩ diệt chuột, Người giữ nhà,...).
- GV cho HS trao đổi sản phẩm để xem và nhận xét về tranh và tên bức tranh mà bạn đã đặt.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
 - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
 - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- 